

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 05-11-2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Sao - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn DT, xã D, huyện B, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn DT, xã D, huyện B, thành phố Hải Phòng; xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị V trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 06 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên xô xát và chàm. Anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đều được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016, không còn chung sống, cắt đứt mọi quan hệ, nghĩa vụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Đoàn Thị Phương Uyên, sinh ngày 21/10/2014 (đã chết năm 2015) và Đoàn Mai Phương, sinh ngày 05/5/2017. Hiện nay, cháu Phương đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin nhận nuôi con chung Đoàn Mai Phương đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Văn C xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh C trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm, điều kiện kết hôn như nội dung chị V trình bày là đúng. Anh xác nhận cuộc sống vợ chồng có lúc xô xát, va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cũng như không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xô xát, va chạm. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả; vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ, nghĩa vụ vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị V. Nếu chị V cứ cố tình xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị V có 02 con chung như chị V trình bày trên là đúng. Hiện nay, cháu Phương còn nhỏ, đang ở với chị V. Nếu ly hôn thì anh đồng ý để chị V trực tiếp nuôi con chung Đoàn Mai Phương đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị V không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Đoàn Mai Phương, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Bùi Thị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị V và bị đơn là anh Đoàn Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn Dương Am, xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đoàn Văn C đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đoàn Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Đoàn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Dương, huyện Vĩnh Bảo ngày 06/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 03 năm đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống,

không hợp nhau về tính cách. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ, nghĩa vụ vợ chồng. Chị V xin ly hôn với anh C, anh C không đồng ý, nhưng trong trường hợp nếu chị V vẫn cố tình xin ly hôn thì anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị V xin ly hôn với anh Đoàn Văn C.

[3] Về con chung: Chị V và anh C có 02 con chung là Đoàn Thị H, sinh ngày 21/10/2014 (đã chết năm 2015) và Đoàn Mai Ph, sinh ngày 05/5/2017. Hiện nay, cháu Ph đang ở với chị V. Khi ly hôn, chị V xin nhận nuôi con chung Đoàn Mai Ph đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải, anh C chấp nhận để chị V trực tiếp nuôi con chung Đoàn Mai Ph đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, cháu Mai Ph còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Cháu Ph đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị V có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị V nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao con chung Đoàn Mai ph cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị V, anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị V được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Mai Ph, sinh ngày 05/5/2017 cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị V đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0001085 ngày 05 tháng 7 năm 2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện B;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã X, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Tuyển**